

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

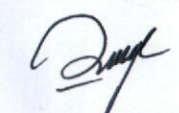
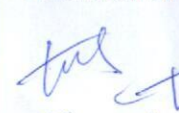
Môn học: **Chuyên đề công nghệ tự động (228170) - Nhóm 01**

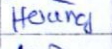
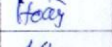
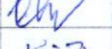
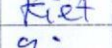
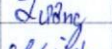
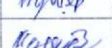
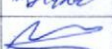
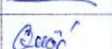
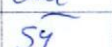
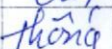
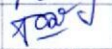
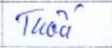
CBGD: **Đào Thành Sung (280015)**

Số SV có mặt: 20

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  Đào Thành Sung	Cán bộ coi thi 2  Đào Thành Sung	G.Viên chấm thi 1  Đào Thành Sung	G.Viên chấm thi 2  Đào Thành Sung
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120060056	NGUYỄN TRỌNG ÂN	20/12/2002	CCQ2006B				6,5	8,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120060006	NGUYỄN VĂN ĐỨC	23/08/2001	CCQ2006A				4,8	7,0	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120060064	NGUYỄN NHẬT HÀO	11/05/2002	CCQ2006A				6,3	6,0	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120060009	NGUYỄN THÁI HOÀNG	15/04/2002	CCQ2006A				3,8	6,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120060008	PHAN MẠNH HOÀNG	11/11/2001	CCQ2006A				5,4	6,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120060012	LÊ QUANG KHANG	10/07/2002	CCQ2006A				5,1	7,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120060013	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	15/11/1999	CCQ2006A				4,4	7,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120060014	NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/12/2002	CCQ2006A				4,3	3,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120060044	LÊ SỸ LƯƠNG	04/01/2002	CCQ2006B				5,9	8,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120060057	LẠI KIM ANH	28/04/2002	CCQ2006B				8,3	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120060015	NGUYỄN THANH NGHIỆP	26/10/2002	CCQ2006A				9,4	8,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060016	BÙI VĂN NGUYỄN	16/01/2002	CCQ2006A				8,9	8,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120060045	TRƯƠNG VÕ HOÀNG	24/08/2002	CCQ2006B				8,8	5,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120060018	ĐẶNG VIỆT QUỐC	25/07/2002	CCQ2006A				9,4	8,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120060049	VÕ VĂN SỸ	16/09/2002	CCQ2006B				3,8	3,0	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120170132	VÕ VĂN TÂM	22/03/2002	CCQ2006B				2,5	3,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120060020	DƯƠNG QUANG MINH	06/03/2001	CCQ2006A				4,3	6,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120060023	PHẠM ĐỨC THỐNG	18/10/2002	CCQ2006A				4,3	3,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120060027	NGUYỄN QUỐC TOÀN	25/01/2002	CCQ2006A				5,3	5,0	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120060032	TRƯƠNG ANH TUẤN	23/03/2000	CCQ2006A				9,5	8,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9